

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN PHƯỚC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **87/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-6-2022

V/v Ly hôn; tranh chấp nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sơn Cước;

2. Bà Võ Thị Trà Giang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tham gia phiên tòa: Ông Võ Như Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08-4-2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 40/2022/TB-TA ngày 19-5-2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nghiêm Thị H, sinh năm 1987. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Chung Văn H, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 01, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nghiêm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chung Văn H tự nguyện tìm hiểu, sau đó đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại UBND xã Tiên An, huyện Tiên Phước. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh Chung Văn H thường xuyên rượu chè, về nhà chửi bới vợ con, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn đối với anh Chung Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có với nhau 02 người con, Chung Thị T, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2016 và Chung Thị Th, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2018. Hiện

nay 02 con do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng nên ly hôn chị yêu cầu tiếp tục được nuôi 02 con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn Chung Văn H: Sau khi Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Chung Văn H vắng mặt không có lý do. Do đó việc lấy lời khai của anh Chung Văn H và việc hòa giải không thực hiện được.

Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao căn cước công dân; đơn trình bày; bản tự khai của đương sự; biên bản xác minh của Tòa án; các tài liệu liên quan đến quá trình tố tụng của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và hướng giải quyết vụ án: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật; bị đơn vắng mặt là không chấp hành quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ cũng như diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nghiêm Thị H được ly hôn với anh Chung Văn H; giao 02 con chung Chung Thị T và Chung Thị Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung do nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nghiêm Thị H và anh Chung Văn H đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND xã Tiên An, huyện Tiên Phước, anh Chung Văn H đang cư trú tại xã Tiên An, huyện Tiên Phước. Chị Nghiêm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung. Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bị đơn Chung Văn H đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không tham gia các hoạt động trong quá trình chuẩn bị xét xử nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải được, tại phiên tòa bị đơn Chung Văn H tiếp tục vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Chung Văn H là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nghiêm Thị H và anh Chung Văn H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn đúng thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền, đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của chị H và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nghiêm Thị H cho rằng cuộc sống chung giữa chị và anh Chung Văn H đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân anh H

suốt ngày rượu chè, chửi bới, xúc phạm vợ con, hiện tại tình cảm giữa chị và anh H không còn, không ai quan tâm đến ai, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trên thực tế đã được chính quyền địa phương xác nhận. Theo đó Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị H và anh H không có điều kiện để tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nghiêm Thị H được ly hôn với anh Chung Văn H là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Đối chiếu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ với kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa chị H và anh H có 02 con chung tên Chung Thị T, (*sinh ngày 31 tháng 8 năm 2016*) và Chung Thị Th, (*sinh ngày 04 tháng 7 năm 2018*).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H yêu cầu được nuôi 02 con chung vì hiện nay chị đang trực tiếp nuôi 02 con, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án anh H không có ý kiến phản hồi, thể hiện quan điểm, nguyện vọng, yêu cầu liên quan đến quyền nuôi con chung. Để đảm bảo quyền lợi của trẻ em, giữ ổn định cuộc sống của 02 con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao 02 con chung Chung Thị T và Chung Thị Th cho chị H nuôi dưỡng đến trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn chị Nghiêm Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh Chung Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của các bên được thực hiện theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nghiêm Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 51, 53, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nghiêm Thị H được ly hôn với anh Chung Văn H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Chung Thị T, (*sinh ngày 31 tháng 8 năm 2016*) và Chung Thị Th, (*sinh ngày 04 tháng 7 năm 2018*) cho chị Nghiêm Thị H

trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Chung Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Chung Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của các bên được thực hiện theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí: Chị Nghiêm Thị H chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008646 ngày 03/3/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục THADS huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thanh Hải